

Phát triển du lịch sinh thái vùng du lịch Bắc Trung Bộ: thực trạng và giải pháp

NGUYỄN QUYẾT THẮNG
LÊ HỮU ẨMH

Dược đánh giá là loại hình tăng trưởng nhanh nhất trong các loại hình du lịch; du lịch sinh thái (DLST) trong những năm gần đây đã thu hút được môi quan tâm đặc biệt trong việc phát triển hoạt động du lịch của nhiều nước. Nhưng làm sao để có thể phát triển DLST đạt hiệu quả và bền vững, vẫn là “bài toán” đặt ra cho nhiều vùng, nhiều quốc gia. Vùng du lịch Bắc Trung Bộ (VDLBTB) được đánh giá là vùng du lịch có tiềm năng để phát triển hoạt động DLST; với nguồn tài nguyên tự nhiên đa dạng và phong phú, lại có đầy đủ các dạng địa hình. Tuy nhiên, cho đến nay việc đầu tư, phát triển các loại hình DLST vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của vùng và chưa mang đầy đủ những đặc trưng vốn có của nó. Qua đánh giá thực trạng phát triển du lịch sinh thái của VDLBTB, bài viết đưa ra các giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển DLST bền vững; đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của xã hội, hoạt động du lịch đã trở thành một hiện tượng phổ biến trong đời sống nhân loại và phát triển với tốc độ ngày càng nhanh. Theo Tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO), năm 2010, khách du lịch quốc tế trên toàn thế giới đạt 940 triệu lượt khách, thu nhập từ du lịch đạt 919 tỷ USD, chiếm hơn 30% xuất khẩu dịch vụ thương mại của thế giới. Theo dự báo đến năm 2020 du lịch sẽ trở thành ngành kinh tế “công nghiệp” chiếm tỷ trọng lớn nhất trong những ngành xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ. Sự đóng góp của du lịch vào GDP dự kiến sẽ tăng từ 9,2% năm 2010 lên 9,7% vào năm 2020 (WTTC, 2010). Trong các loại hình du lịch thì DLST ngày càng được ưa chuộng và phát triển với tốc độ nhanh trên phạm vi toàn cầu. Theo Hiệp hội Du lịch sinh thái thế giới (*The International Ecotourism Society - TIES*): Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, DLST là loại hình phát triển nhanh nhất trong ngành công nghiệp du lịch, với tốc độ phát triển tăng khoảng 20% đến 34% mỗi năm. Năm 2004, DLST đã tăng nhanh hơn 3 lần so với toàn bộ ngành công

ng nghiệp du lịch toàn cầu (TIES, 2006). DLST được dự báo đến năm 2020 là phân ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất trong hoạt động du lịch, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế của nhiều vùng, nhiều quốc gia (WTTC, 2010). Điều này đã đặt ra mối quan tâm đặc biệt trong sự phát triển hoạt động du lịch của nhiều nước.

Trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995 – 2010 và Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 2000 – 2010, VDLBTB được xem là một trong ba vùng du lịch trọng điểm của cả nước (kéo dài từ Quảng Bình đến Quảng Nam). Đây được coi là vùng du lịch có tiềm năng và thế mạnh để phát triển hoạt động DLST, với nguồn tài nguyên tự nhiên đa dạng, phong phú, có đầy đủ các dạng địa hình được phân bố trên một không gian hẹp. Đặc trưng trên là tiềm năng và thế mạnh của VDLBTB để phát triển loại hình DLST bên cạnh về thế mạnh du lịch văn hóa.

Nguyễn Quyết Thắng, ThS.; Lê Hữu Ẩnh, PGS.TS.,
Trường đại học Nông nghiệp Hà Nội.

Thực tế trong những năm vừa qua, hoạt động du lịch sinh thái ở nhiều địa phương trong vùng du lịch rất khởi sắc. Số lượng các dự án đầu tư vào DLST cũng như số lượng khách tham gia DLST tại nhiều điểm tài nguyên tăng nhanh. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, việc phát triển hoạt động DLST theo đánh giá vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của vùng và chưa mang đầy đủ những đặc trưng vốn có của nó. Việc tổ chức hoạt động DLST ở hầu hết các điểm tài nguyên chỉ mới dừng lại ở việc khai thác phục vụ du lịch tự nhiên, du lịch "dại chúng" (*mass tourism*), do đó đã bắt đầu bộc lộ những yếu kém, gây tác động xấu đến môi trường, cảnh quan. Vì vậy, việc tìm ra các giải pháp phát triển DLST ở VDLBTB một cách toàn diện là hết sức cần thiết. Đã có một số công trình nghiên cứu liên quan như của Hiệp hội Du lịch Thừa Thiên Huế (2006); Nguyễn Tài Phúc (2010); Phạm Trung Lương (2008); Bùi Thị Tám (2009); Nguyễn Quyết Thắng và Lê Hữu ảnh (2011); Nguyễn Quyết Thắng (2011). Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên chủ yếu đánh giá nhu cầu của du khách hay thực trạng phát triển của một loại hình, sản phẩm DLST tại một điểm tài nguyên hoặc một khu vực, địa phương trong VDLBTB. Ngay cả nghiên cứu của Hiệp hội Du lịch Thừa Thiên Huế (2006) và của Nguyễn Quyết Thắng (2011) cũng chỉ dừng ở việc đánh giá sơ lược về thực trạng khai thác tài nguyên và phát triển lượng khách DLST của VDLBTB để đưa ra một số giải pháp sơ khởi. Chính vì vậy, trong nghiên cứu này chúng tôi cố gắng đánh giá một số thực trạng chủ yếu và đưa ra hệ thống giải pháp phát triển DLST tại VDLBTB.

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu là phương pháp thống kê được sử dụng trong việc chọn địa điểm nghiên cứu, chọn mẫu điều tra, lựa chọn tiêu chí phân

tích. Nguồn số liệu được dùng trong nghiên cứu này ngoài số liệu thứ cấp là những thông tin từ các ban, ngành, hiệp hội du lịch và số liệu báo cáo của nhiều điểm tài nguyên tại VDLBTB. Nghiên cứu còn sử dụng nguồn số liệu sơ cấp thông qua kết quả điều tra du khách năm 2010. Chúng tôi đã tiến hành điều tra quy mô lớn tại 12 điểm tài nguyên có hoạt động DLST phát triển gồm: khu vực Phong Nha – Kẻ Bàng, Bạch Mã – Lăng Cô, các khu vực biển và một số điểm tài nguyên khác trong vùng. Số phiếu được tính theo công thức:

$$n = \frac{Ns^2 \times Z^2}{N \times \Delta^2 x + s^2 \times Z^2}$$

(Trong đó: N: Lượng khách dự kiến thời điểm điều tra; độ tin cậy = 95%; Δx trong phạm vi cho phép = 5%; Độ lệch chuẩn lấy theo phương sai các cuộc điều tra về du lịch ở nước ta). Số lượng mẫu được điều tra thực tế là 1600 mẫu, sau khi loại đi những mẫu hỏng còn lại là 1216 mẫu (lớn hơn mẫu tính theo công thức trên là 542 mẫu), trong đó có 468 mẫu khách quốc tế (Nguyễn Quyết Thắng, 2011).

1. Thực trạng phát triển du lịch sinh thái tại vùng du lịch Bắc Trung Bộ

1.1. Về công tác quy hoạch du lịch sinh thái

Do vấn đề nhận thức và tiếp cận với DLST mới chỉ "khởi sắc" trong một vài năm gần đây, nên việc quy hoạch DLST tổng thể cho từng địa phương hoặc cấp vùng mới chỉ hình thành trên ý tưởng. Công tác quy hoạch DLST hiện nay mới chỉ triển khai cho từng điểm tài nguyên và các dự án phát triển DLST. Theo tính toán của chúng tôi, từ tháng 3-2008 đến tháng 4-2011 có 41 quy hoạch các điểm tài nguyên và dự án DLST, trong đó tập trung chủ yếu tại một số địa phương như Thừa Thiên Huế (12 quy hoạch); Đà Nẵng (11 quy hoạch); Quảng Bình

Phát triển du lịch sinh thái...

(6 quy hoạch) v.v... Điển hình là một số quy hoạch như: Quy hoạch chung Khu du lịch thung lũng Phong Nha; Quy hoạch chi tiết điểm du lịch sinh thái suối nước Moọc (Quảng Bình); Quy hoạch các dự án DLST Cửa Tùng Cửa Việt; Quy hoạch chi tiết Khu du lịch sinh thái Rào Quán (Quảng Trị); Quy hoạch khu du lịch sinh thái biển Lăng Cô (Everland Resort); Quy hoạch khu du lịch sinh thái bí ẩn Hành Hương (Lộc Bình); Quy hoạch Khu DLST Vườn Huế (TT.Huế); Quy hoạch chi tiết khu du lịch Bà Nà Suối Mơ; Quy hoạch chi tiết khu DLST bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng); Quy hoạch khu DLST thuộc xã Cẩm Thanh; Quy hoạch khu du lịch biển Cù lao Chàm (Quảng Nam); Quy hoạch chi tiết khu du lịch biển Mỹ Khê (Quảng Ngãi) v.v...

Tuy nhiên, do chưa có quy hoạch tổng thể của vùng và của từng địa phương, nên việc quy hoạch từng điểm tài nguyên vẫn còn nhiều bất cập, chưa khai thác một cách rõ nét lợi thế so sánh của từng điểm tài nguyên. Các quy hoạch mới chỉ tập trung phần lớn vào các điểm tài nguyên có lợi thế và sức hấp

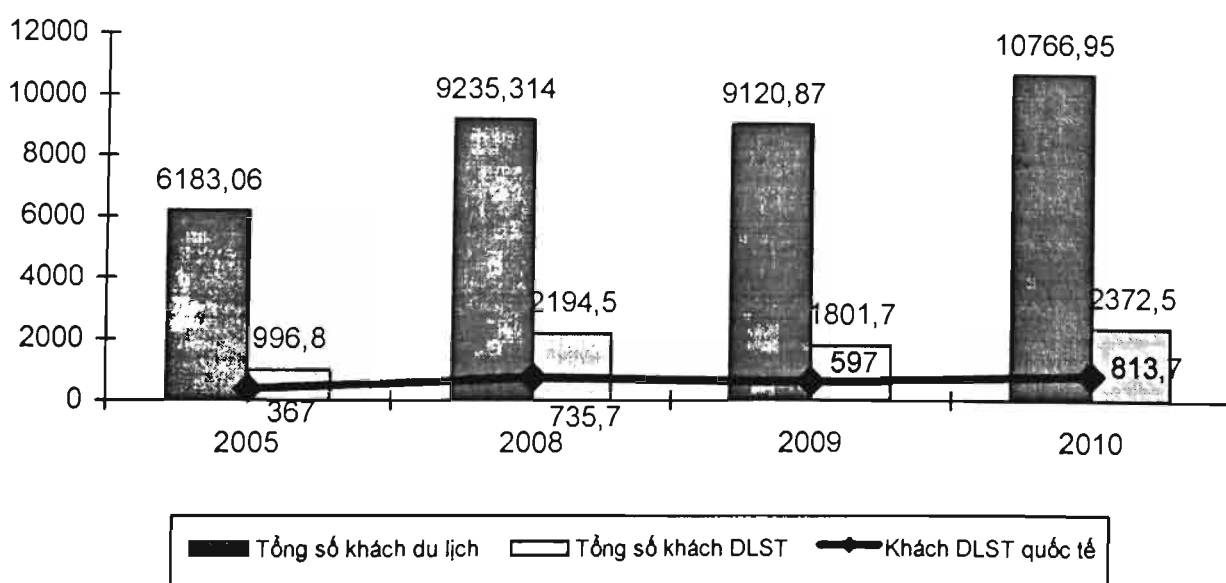
dẫn lớn, thuận tiện cho việc khai thác. Việc quy hoạch bị phân tán nên chưa tạo điều kiện cho việc thúc đẩy các điểm tài nguyên khác phát triển. Trong quy hoạch các dự án phát triển DLST chủ yếu là quy hoạch các khu du lịch (resort), việc quy hoạch các tuyến, chương trình (tour) du lịch hầu như vẫn còn bỏ ngỏ, chưa được quan tâm đúng mức, do đó làm giảm hiệu quả khai thác của hoạt động du lịch này.

1.2. Về tình hình khai thác khách du lịch sinh thái

Số lượng khách du lịch sinh thái: số lượng khách DLST mặc dù có tăng nhanh trong những năm gần đây nhưng mới chỉ chiếm khoảng 1/4 so với tổng số khách du lịch đến VDLBTB (hình 1). Số lượng khách du lịch sinh thái quốc tế vẫn tăng chậm so với tiềm năng của vùng, lượng khách quốc tế tham gia du lịch sinh thái mới đạt 34% so với tổng số khách du lịch sinh thái đến vùng. Điều này đã phản ánh hiệu quả khai thác khách quốc tế tham gia du lịch sinh thái.

HÌNH 1: Số lượng khách DLST đến VDLBTB giai đoạn 2005 - 2010

ĐVT: 1000 lượt khách

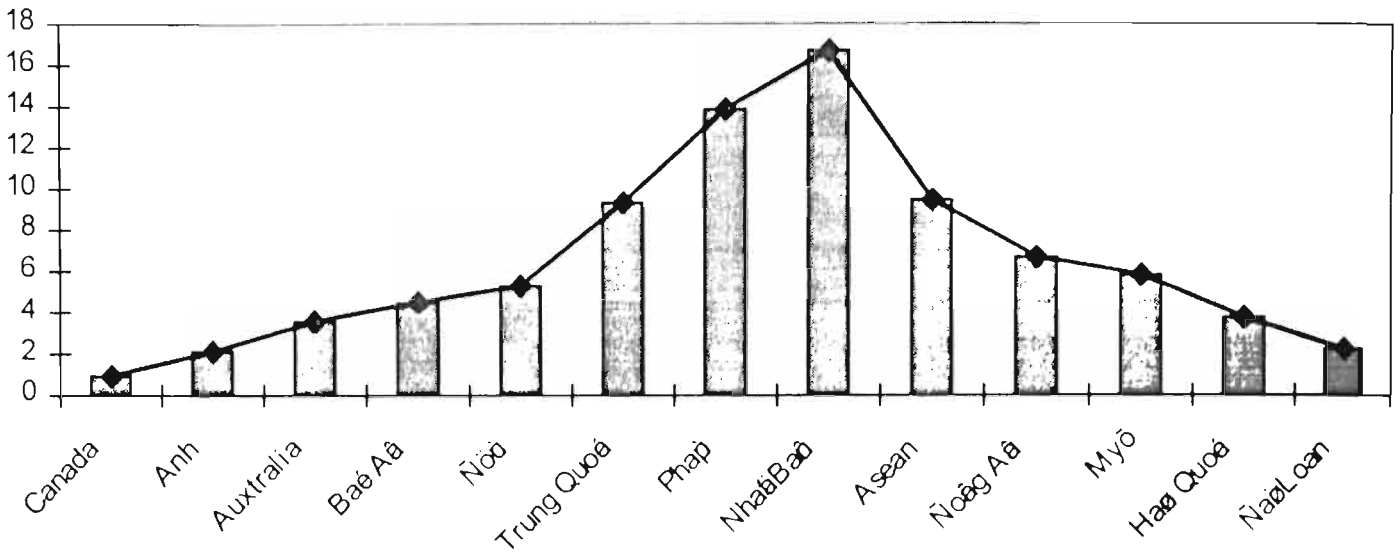


Nguồn: Số liệu của các địa phương và tổng hợp của tác giả.

Cơ cấu khách du lịch sinh thái: về cơ cấu khách du lịch sinh thái theo quốc tịch và giới tính.

Kết quả điều tra năm 2010 cho thấy cơ cấu theo quốc tịch của khách DLST quốc tế như hình 2.

HÌNH 2: Cơ cấu khách quốc tế theo quốc tịch đi du lịch sinh thái năm 2010 (%)



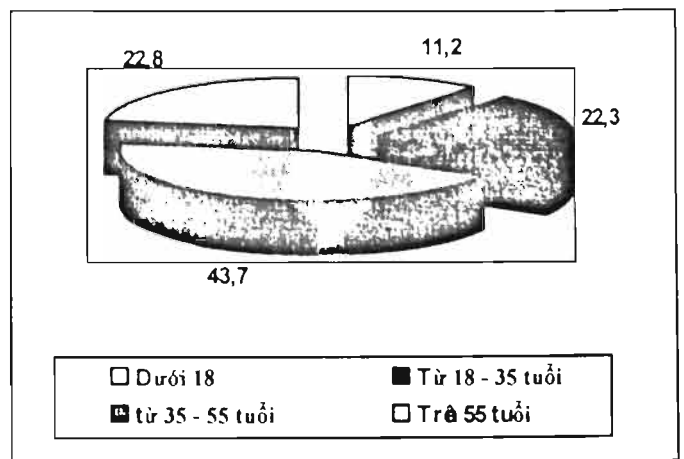
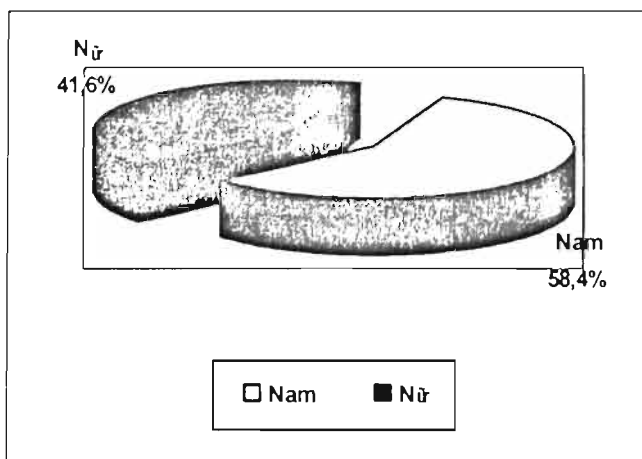
Nguồn: Điều tra của tác giả.

Đối với khách DLST quốc tế đến VDLBTB thì đông nhất vẫn là khách Nhật Bản (16,72%), tiếp đến là khách Pháp (14,39%), khách các nước Asean (9,48%); khách các nước Bắc Âu: Na Uy, Thụy Điển, Đan Mạch, Hà Lan chiếm 4,32%; khách Mỹ chiếm 5,83% còn lại là khách các nước khác. Riêng khách nội địa, chủ yếu là khách tại các thành phố

lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng...

Đối với cơ cấu theo giới tính thì khách nữ chiếm 41,6%, khách nam là 58,4%. Cơ cấu theo độ tuổi thì khách ở độ tuổi từ 35 đến 55 tuổi chiếm đông nhất (43,7%), tiếp đến là khách trên 55 tuổi (22,8%) còn lại là các khách khác (hình 3).

HÌNH 3: Cơ cấu khách theo giới tính và độ tuổi



Nguồn: Điều tra của tác giả.

Về doanh thu khách du lịch sinh thái: theo điều tra của chúng tôi, chỉ tiêu của du

khách cho loại hình DLST tại VDLBTB thể hiện qua bảng 1.

Phát triển du lịch sinh thái...

BẢNG 1: Chi tiêu bình quân/ngày của khách DLST đến vùng du lịch Bắc Trung Bộ

Đơn vị tính: 1000đ

Chỉ tiêu	Thuê phòng	Ăn uống	Đi lại	Thăm quan	Mua sắm	Giải trí	Khác	Tổng cộng
1. Khách quốc tế	265,7	196,63	168,84	62,73	94,74	66,47	86,26	941,37
2. Khách trong nước	115,2	84,68	82,3	22,18	36,63	19,78	28,16	388,93

Nguồn: Điều tra của tác giả năm 2010.

Theo kết quả điều tra về chi tiêu của du khách của Tổng cục Thống kê năm 2009 thì chi tiêu bình quân/ngày của khách du lịch quốc tế là 1.645,6 nghìn đồng, khách nội địa là 703,47 nghìn đồng. Kết quả điều tra của chúng tôi cho thấy chi tiêu của khách DLST tại VDLBTB thấp hơn nhiều chi tiêu của khách du lịch nói chung. Điều này đã phản ánh việc khai thác khách DLST vẫn chưa đạt hiệu quả cao. Đặc biệt là việc phát triển các

dịch vụ bổ sung nhằm nâng cao nguồn thu từ khách. Bởi thông thường trên thế giới, chi tiêu của khách DLST thường ngang bằng hoặc cao hơn chi tiêu bình quân về du lịch nói chung. Từ kết quả điều tra chi tiêu của khách, dựa trên số liệu điều tra về ngày lưu trú bình quân dành cho DLST của khách quốc tế 0,84 ngày và khách nội địa là 0,63 ngày, chúng tôi đã tính toán doanh thu của DLST của VDLBTB lấy theo giá hiện hành như bảng 2.

BẢNG 2: Doanh thu du lịch sinh thái vùng du lịch Bắc Trung Bộ từ năm 2005 – 2010

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2005	2008	2009	2010	Tốc độ tăng trưởng bình quân (lần)
1. Doanh thu khách quốc tế	253,84	581,76	472,08	643,43	1,20
2. Doanh thu khách nội địa	100,47	357,44	295,18	381,94	1,30
Tổng doanh thu DLST	354,31	939,2	767,26	1.025,37	1,23

Nguồn: Điều tra, tính toán của tác giả.

1.3. Về thực trạng đầu tư, phát triển hoạt động du lịch sinh thái

Việc đầu tư phát triển hoạt động DLST đã có bước phát triển mạnh trong những năm gần đây, chủ yếu là đầu tư các khu du lịch tại các điểm tài nguyên với số vốn đầu tư lớn. Chỉ tính riêng khu vực Lăng Cô, Cảnh Dương và phụ cận (Thừa Thiên Huế), số lượng dự án đầu tư khá lớn: tính từ năm 2006 đến tháng 2-2011 đã có 12 dự án đầu tư (chưa kể một số dự án vừa cấp giấy phép). Số vốn đã và đang đầu tư ước khoảng 11.932 tỷ đồng. Tuy nhiên, theo đánh giá chung, các dự án phát triển các khu du lịch vẫn chủ yếu tập

trung tại các điểm tài nguyên đẹp và thuận lợi, hơn 80% dự án nằm ở các tài nguyên biển. Nhiều dự án đầu tư mặc dù đã được cấp phép nhưng tiến độ triển khai rất chậm, trong đó có nhiều dự án đã bị rút giấy phép.

Riêng về đầu tư, phát triển các chương trình (tour) du lịch sinh thái chưa được quan tâm đúng mức. Rất ít chương trình DLST mới được xây dựng, một số chương trình DLST mới được giới thiệu trong thời gian qua tiêu biểu như tuyến du lịch sinh thái suối nước Mọc (Quảng Bình); du lịch tham quan khám phá sông Ngự Hà (Thừa Thiên Huế); Chương trình du lịch sinh thái Suối Lương –

Hải Vân (Đà Nẵng); Chương trình DLST Cù Lao Chàm (Quảng Nam) v.v... Nhiều doanh nghiệp cho rằng, việc xây dựng các chương trình DLST hiệu quả không cao do phải đầu tư tốn kém lại khá phức tạp nên chưa hấp dẫn các doanh nghiệp. Phần lớn các chương trình được khai thác hiện nay chủ yếu được mở rộng từ các chương trình "truyền thống" như Chương trình tham quan Phong Nha – Kẻ Bàng (Quảng Bình); Chương trình tham quan nhà vườn Huế; Chương trình du lịch tham quan, nghỉ dưỡng và nghiên cứu sinh thái tại Vườn quốc gia (VQG) Bạch Mã, Lăng Cô (Thừa Thiên – Huế); Chương trình du lịch tham quan, nghỉ dưỡng tại Bà Nà (Đà Nẵng) v.v... Về đầu tư cơ sở hạ tầng, đặc biệt là cơ sở hạ tầng dẫn đến các điểm tài nguyên hiện nay chủ yếu do Nhà nước và vốn của các địa phương trong vùng. Hầu như chưa có doanh nghiệp nào tham gia vào lĩnh vực này.

1.4. Về tổ chức quảng bá phát triển thị trường khách du lịch sinh thái

Công tác quảng bá, xúc tiến phát triển thị trường DLST trong thời gian tại VDLBTB đã được đẩy mạnh so với các năm trước đây. Thông tin giới thiệu về các điểm du lịch tự nhiên, các chương trình DLST như: tập gấp (brochure) giới thiệu về VQG Phong Nha – Kẻ Bàng; tập gấp giới thiệu DLST VQG Bạch Mã; Bà Nà; Brochure giới thiệu về DLST biển Đà Nẵng... đã được ngành du lịch các địa phương và các đơn vị kinh doanh du lịch xây dựng, nhằm phổ biến rộng rãi đến du khách. Một số điểm tài nguyên như: VQG Phong Nha – Kẻ Bàng; VQG Bạch Mã; Khu du lịch Bà Nà; Cù Lao Chàm... đã tiến hành cài đặt website để giới thiệu về tiềm năng DLST trên mạng internet. Nhiều công tác khác cũng đã được triển khai như tổ chức hội thảo, tham gia hội chợ du lịch quốc tế cũng đã được nhiều địa phương trong vùng triển khai. Tuy nhiên, công tác quảng bá về DLST vẫn còn khá "rời rạc", chưa có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các địa phương trong VDLBTB; thông tin đưa đến du khách vẫn còn khá đơn giản. Việc đầu tư

nghiên cứu thị trường DLST vẫn chưa được đặt ra, do đó rất khó trong việc xác định các cơ sở khoa học để xây dựng các định hướng, chiến lược phát triển thị trường. Công tác tuyên truyền quảng bá về DLST vẫn chưa phong phú và hiệu quả chưa cao.

1.5. Về công tác đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch sinh thái

Hiện tại, đã có nhiều trường đại học đóng tại các địa phương trong VDLBTB có đào tạo về chuyên ngành du lịch, hàng năm cung cấp hàng nghìn cán bộ du lịch cho vùng như Khoa Du lịch, Trường đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh Đà Nẵng; Khoa Du lịch trực thuộc Đại học Huế; Khoa Du lịch, Đại học Dân lập Phú Xuân; Đại học Duy Tân và nhiều lớp đại học liên kết với các trường đại học trong nước. Ngoài ra, còn một lượng lớn cán bộ được đào tạo chuyên ngành du lịch từ các trường đại học ở các nơi khác như tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh... về tăng cường làm việc tại vùng. Hệ đào tạo nghề du lịch cũng khá phát triển như Trường trung cấp Du lịch Thừa Thiên – Huế; Trường cao đẳng Á Đông (Đà Nẵng) và nhiều trường trung cấp khác... hàng năm cũng bổ sung một lượng lớn cán bộ nghề. Năm 2009, số lượng chúng tôi thống kê được ở các trường có đào tạo trung cấp trong vùng là: 2.537 người. Tuy nhiên, số lượng cán bộ du lịch được đào tạo vẫn chưa tương xứng với yêu cầu đòi hỏi của sự phát triển du lịch nói chung và DLST nói riêng. DLST là loại hình đòi hỏi người làm du lịch phải có kiến thức tổng quát như kiến thức về lịch sử, sinh học, môi trường... ngoài kiến thức chuyên ngành. Hiện tại vẫn chưa có khóa đào tạo chuyên sâu về vấn đề này tại các đơn vị trong VDLBTB.

1.6. Công tác quản lý tài nguyên và giáo dục môi trường cho du lịch sinh thái

Trong một vài năm trở lại đây, công tác quản lý tài nguyên đã được tăng cường một bước. Ở hầu hết các tài nguyên trong khu vực

trọng điểm đã thành lập các ban quản lý. Bám sát nội dung của Chỉ thị 07/2000/TTg của Thủ tướng Chính phủ; hầu hết các địa phương đã đề ra các quyết định kịp thời và triển khai quyết liệt nhằm chấn chỉnh các hiện tượng như chặt phá rừng, lấn chiếm đất, nạn ăn xin, bán hàng rong, giữ vệ sinh môi trường... Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch như thực hiện niêm yết giá các loại dịch vụ, hướng dẫn du khách thực hiện các quy định khi đi tham quan các điểm di tích; bảo vệ môi trường tại các điểm tài nguyên... đã được thực hiện triệt để hơn. Tuy nhiên, tại một số điểm tài nguyên công tác quản lý vẫn còn nhiều bất cập, chông chéo giữa các ban ngành và còn nhiều vấn đề cần giải quyết, nhằm làm cho công tác quản lý tài nguyên đạt hiệu quả hơn như: xây dựng mô hình quản lý phù hợp, vấn đề quản lý "sức chứa", việc phân vùng tổ chức hoạt động DLST...

Công tác giáo dục môi trường cho du lịch nói chung và DLST đã được các địa phương trong vùng quan tâm và chú trọng. Việc giáo dục môi trường dành cho các đối tượng: cán bộ quản lý du lịch, doanh nghiệp, hướng dẫn viên, cộng đồng cư dân địa phương và du khách đã được quan tâm hơn. Việc phân phát các ấn phẩm về công tác giáo dục môi trường cho các đối tượng này cũng được triển khai. Tuy nhiên, công tác giáo dục môi trường ở hầu hết các địa phương chưa được tổ chức

thường xuyên liên tục. Việc giáo dục cho du khách vẫn chủ yếu sử dụng ấn phẩm, rất ít điểm tài nguyên có diễn giải môi trường và các hình thức khác... Nhiều hướng dẫn viên chưa làm tốt công tác giáo dục môi trường.

1.7. Vốn đầu tư cho du lịch sinh thái

Hiện tại chưa có số liệu thống kê chính xác về tổng vốn đầu tư cho DLST ở các địa phương VDLBTB (tính cả vốn đầu tư dự án và vốn đầu tư cơ sở hạ tầng). Riêng về vốn đầu tư cơ sở hạ tầng, chủ yếu là nguồn vốn của Nhà nước và nguồn vốn ODA, các nguồn vốn khác rất ít. Nguồn vốn đầu tư cho các dự án phát triển DLST, chủ yếu là đầu tư các khu du lịch (resort) đã tăng nhanh trong những năm gần đây, phần lớn là vốn do các doanh nghiệp đầu tư. Với tổng vốn (tính trên giấy phép đăng ký kinh doanh) giai đoạn 2006 – 2010 là 76.215,2 tỷ đồng (bảng 3). Có nhiều địa phương như Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế... thu hút được vốn đầu tư lớn. Riêng Thừa Thiên Huế, chỉ tính trong năm 2008 và đầu năm 2009 đã có 19 dự án trong nước và ngoài nước được cấp chứng nhận đầu tư với tổng nguồn vốn 756 triệu USD. Tuy nhiên, nhiều dự án triển khai rất chậm, vì vậy nguồn vốn thực tế đầu tư các dự án ở nhiều địa phương mới chỉ đạt khoảng 30% 40% so với vốn đăng ký.

BẢNG 3: Số dự án về du lịch sinh thái đã và đang triển khai tại vùng du lịch Bắc Trung Bộ từ năm 2006 - 2010

STT	Địa phương	Số dự án (dự án)	Quy mô đầu tư (tỷ đồng)
1	Quảng Bình	18	2.458,6
2	Quảng Trị	7	1.536,8
3	Thừa Thiên Huế	38	30.550
4	Đà Nẵng	35	28.645
5	Quảng Nam	16	10.648
6	Quảng Ngãi	9	2.376,8
	Tổng cộng	127	76.215,2

* Ghi chú: + Quy mô vốn được tổng hợp trên GPĐT được cấp đến thời điểm ngày 31-12-2010;
 ‡ Không tính một số dự án đã bị rút GPĐT tại một số địa phương. Riêng Quảng Bình tính cả vốn Dự án phát triển du lịch bền vững tiểu vùng sông Mê Kông

Nguồn: Sở Kế hoạch và đầu tư; Sở Văn hóa, thể thao và du lịch các địa phương và tổng hợp của tác giả.

Nhìn chung, việc phát triển hoạt động DLST tại VDLBTB đã có những bước “khởi sắc” trong những năm gần đây và ngày càng thu hút được sự quan tâm của mọi người, đặc biệt là các doanh nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động DLST của vùng hiện nay vẫn chưa khai thác được tiềm năng vốn có của vùng và còn tồn tại nhiều vấn đề bất cập, cần phải giải quyết. Vì vậy, để có thể thúc đẩy sự phát triển DLST của vùng theo hướng hiệu quả và bền vững cần phải có những giải pháp đồng bộ cho toàn vùng và từng địa phương trong vùng.

2. Một số giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển du lịch sinh thái vùng Bắc Trung Bộ

2.1. Tạo cơ chế, chính sách phát triển du lịch sinh thái bền vững

Đây là một trong những vấn đề rất cơ bản, làm cơ sở pháp lý cho việc phát triển DLST. Vì vậy, ở nhiều nước trên thế giới, người ta thường xây dựng những khuôn khổ pháp lý và coi đây là điều kiện để phát triển DLST bền vững. Kinh nghiệm của Indônêxia cho thấy họ đã xây dựng những hướng dẫn chung cho sự phát triển của DLST ở cấp chính quyền địa phương (Anak Agung Gde Raka Dalem, 2002) và được điều chỉnh liên tục... cho phù hợp với sự phát triển của hoạt động DLST và bảo vệ môi trường. Để hoạt động DLST tại VDLBTB phát triển bền vững, điều kiện tiên quyết là chúng ta cần phải xây dựng một cơ chế chính sách, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động DLST. Theo chúng tôi, trước hết chúng ta cần ban hành các nhóm chính sách sau:

Xây dựng hướng dẫn cho DLST. Đây là bước đầu tiên nhằm làm cơ sở cho việc xây dựng Luật Du lịch sinh thái sau này.

Các chính sách liên quan đến việc triển khai quy hoạch, phát triển các vùng, các điểm DLST trọng điểm.

Các chính sách liên quan đến việc phát

triển DLST gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa.

Các chính sách liên quan đến công tác quản lý khách du lịch; phối hợp giám sát các điểm tài nguyên DLST; chính sách liên quan đến cộng đồng địa phương trong phát triển DLST.

Các chính sách liên quan đến phát triển nguồn nhân lực; công tác quảng bá; phát triển các sản phẩm DLST.

Trên cơ sở việc thiết lập các cơ chế chính sách thì cần phải xây dựng các “nguyên tắc chỉ đạo” cho du lịch sinh thái nhằm làm cơ sở cho việc giám sát chặt chẽ hoạt động DLST và quản lý nguồn tài nguyên (Sylvie Blangy & Megan Epler Wood, 1998). Nguyên tắc chỉ đạo cho DLST, trong đó tập trung vào các vấn đề sau: (1) Hỗ trợ các chương trình bảo tồn thiên nhiên; (2) Mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương; (3) Bảo tồn các giá trị văn hóa-xã hội của cộng đồng; (4) Tuân thủ các quy định liên quan đến du lịch và bảo tồn môi trường.

2.2. Về công tác quy hoạch cho du lịch sinh thái

Cần sớm xúc tiến và hoàn thành quy hoạch tổng thể phát triển DLST tại VDLBTB, trên cơ sở đó xây dựng các quy hoạch DLST cho từng địa phương và các quy hoạch chi tiết cho từng cụm và từng điểm tài nguyên. Trong quá trình lập quy hoạch cần phải đặt mục tiêu gắn lợi ích của cộng đồng với việc bảo vệ, tránh làm cạn kiệt nguồn tài nguyên và tàn phá môi trường. Đồng thời, phải giải quyết hài hòa sự “xung đột” giữa các ngành trong việc khai thác nguồn tài nguyên. Song song với công tác quy hoạch, cần có chủ trương tăng cường đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng, cơ sở dịch vụ du lịch theo mô hình sinh thái... Quy hoạch phát triển DLST phải đảm bảo hợp lý về mặt không gian; đảm bảo cân đối về môi trường và sức

chứa của điểm tài nguyên. Trong quy hoạch không gian của vùng, tiểu vùng và tuyến du lịch cần tính đến sự hài hòa, có thể kết nối với các điểm tài nguyên khác; khai thác được lợi thế so sánh của từng điểm tài nguyên, từng khu vực nhằm tạo hiệu quả và sự phát triển đồng bộ, bền vững cho DLST của vùng.

2.3. Giải pháp về đầu tư, phát triển hoạt động du lịch sinh thái

Kinh nghiệm ở nhiều quốc gia, việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng được coi là một điều kiện "tiên quyết" để phát triển hoạt động DLST. ở Malaixia, để hỗ trợ cho việc thúc đẩy sự tăng trưởng của DLST, chỉ tính riêng 2 năm 1991 -1992, việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng cho các vùng DLST đã lên đến hơn 70 triệu RM ($2,5RM = 1 USD$) (Mohd Nawayai Yasak, 1998). Riêng với VDLBTB, cần đẩy mạnh hơn nữa việc đầu tư về cơ sở hạ tầng cho DLST, đặc biệt là cơ sở hạ tầng dẫn đến các điểm tài nguyên nhằm tạo điều kiện lôi kéo các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào khu vực này. Trong giai đoạn hiện nay, các địa phương trong VDLBTB cần nghiên cứu để tận dụng được nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng Chương trình 135 của Chính phủ nhằm kết hợp được mục tiêu không chỉ phát triển dân sinh mà còn phát triển được việc đầu tư cơ sở hạ tầng đến các điểm tài nguyên ở vùng sâu, vùng xa.

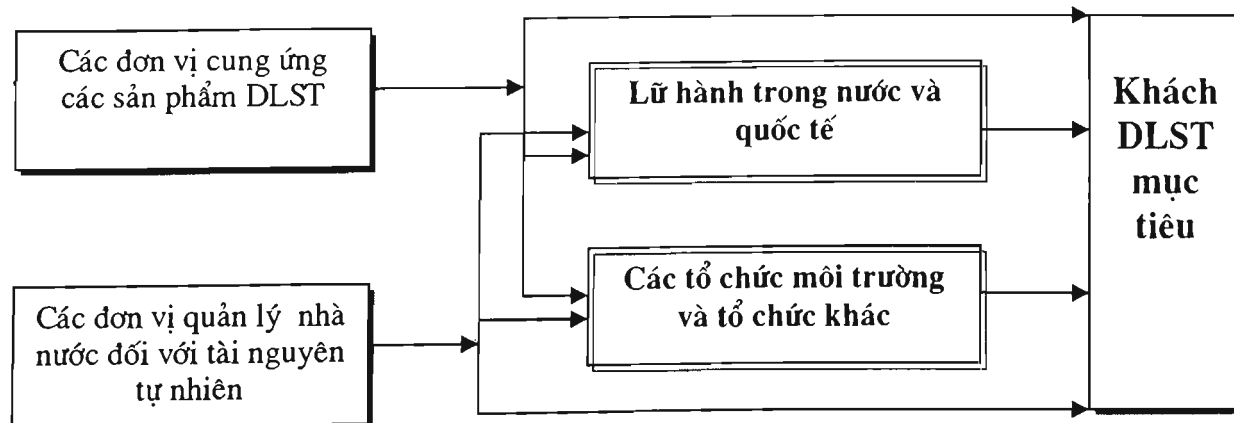
Ngoài ra, việc đầu tư cơ sở hạ tầng thiết

yếu như hệ thống đường nội bộ, đường mòn ngắm cảnh, hệ thống thông tin, bảng chỉ dẫn... cần được đầu tư hoàn thiện. Để làm được điều này, Nhà nước và các địa phương trong vùng nên có kế hoạch cân đối, tập trung nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng cho các điểm tài nguyên. Cần tranh thủ và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tài trợ khác như: nguồn vốn hỗ trợ của các nước; nguồn hỗ trợ của các cá nhân, tổ chức phi chính phủ, tổ chức xã hội... Cần xã hội hóa nguồn vốn đầu tư cho DLST, đặc biệt là vốn xây dựng cơ sở vật chất du lịch như hệ thống nghỉ dưỡng, ăn uống, thông tin, dịch vụ du lịch... Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển các loại hình và sản phẩm DLST tại các điểm tài nguyên, đặc biệt là các loại hình, sản phẩm DLST không tiêu dùng tài nguyên (non-consumptive ecotourism) (Nguyễn Quyết Thắng, 2010). Tuy nhiên, việc xây dựng các cơ sở lưu trú và ăn uống tại các điểm tài nguyên cần phù hợp với cảnh quan và tiêu chuẩn môi trường.

2.4. Về công tác quảng bá cho du lịch sinh thái

Đây là mặt công tác cần được đẩy mạnh trong thời gian tới. Theo nghiên cứu của chúng tôi, thị trường khách DLST trong giai đoạn từ nay đến 2020 vẫn chủ yếu là khách du lịch đến vùng. Vì vậy, chúng tôi xác định kênh thông tin chủ yếu đến du khách như hình 4.

HÌNH 4: Kênh thông tin đến khách du lịch sinh thái



Để làm tốt công tác này, các địa phương trong VDLBTB cần sử dụng các kinh nghiệm lồng ghép như việc cung cấp các thông tin dưới dạng tập gấp, tờ rơi, sách hướng dẫn, bản đồ... phân phối miễn phí cho du khách thông qua các hãng, đại lý du lịch, các tổ chức môi trường, các trung tâm thông tin, các cửa khẩu đón khách... Cần đưa nội dung giới thiệu về tài nguyên du lịch tự nhiên, các chương trình và sản phẩm DLST lên mạng internet; tổ chức các cuộc hội thảo, họp báo giới thiệu về tiềm năng DLST... Cũng cần áp dụng nhiều biện pháp khác như tổ chức nhiều tour du lịch làm quen cho các đối tượng là cán bộ điều hành, các nhân viên hãng lữ hành; các tổ chức môi trường... tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về tiềm năng và hoạt động DLST tại các điểm tài nguyên...

2.5. Công tác đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động du lịch sinh thái

Để thúc đẩy hoạt động DLST phát triển thì một yếu tố rất quan trọng cần phải có đó là nguồn cán bộ cho DLST. Để làm tốt công tác đào tạo nguồn nhân lực cho VDLBTB, cần tiến hành đồng bộ nhiều công tác như có chính sách chuẩn bị và khuyến khích việc đào tạo cán bộ cho ngành DLST ngay từ bây giờ. Việc đào tạo có thể từ nhiều nguồn (cả trong nước và nước ngoài) bằng nhiều hình thức. Hiện tại và trong thời gian tới, các địa phương trong vùng đang nhận được các dự án có sự tài trợ của các tổ chức quốc tế như IUCN, WWF, UNDP, BIRD LIFE... trong các lĩnh vực nghiên cứu, bồi dưỡng cán bộ và trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực môi trường, tài nguyên.

Ngoài ra, DLST là loại hình du lịch có "diễn giải môi trường" (Simon McArthur, 1998). Do đó, đòi hỏi nguồn cán bộ có chuyên môn sâu về môi trường, tự nhiên, sinh học...

Vì vậy, chúng ta cần có giải pháp và chính sách thỏa đáng cho việc phối hợp để đào tạo cán bộ có chuyên môn của các ngành khác như thủy sản, kiểm lâm, nông nghiệp... nhằm bổ sung một đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao phục vụ cho DLST, đặc biệt là cán bộ chuyên môn và hướng dẫn viên DLST. Bên cạnh đó, cần mở những lớp bồi dưỡng cho các cán bộ đang làm công tác liên quan đến DLST và quản lý tài nguyên được đào tạo từ những ngành khác mà chưa qua các khóa học về lĩnh vực này.

2.6. Công tác quản lý tài nguyên và giáo dục môi trường

Để DLST phát triển bền vững cần phải làm tốt công tác quản lý nguồn tài nguyên và giáo dục môi trường cho DLST. Do đó, cần đề ra một cơ chế giám sát và quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên nhằm hạn chế các tác động xấu đối với môi trường. Để làm tốt công tác này, trước hết cần xây dựng mô hình thiết lập "cơ sở các khuôn khổ quản lý" (Jeffrey L. Marion và Traccy A. Farrell, 1998). Ngày càng có nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng mô hình này như: "Hệ thống các giới hạn có thể thay đổi được" (viết tắt là LAC) được đưa ra ở Mỹ. "Hệ thống quản lý du lịch lựa chọn" (viết tắt là TOMM) ở Australia... Cả LAC và TOMM là một phương pháp quản lý được lập nên để giám sát và quản lý hoạt động du lịch ở các điểm tài nguyên. Đối với VDLBTB rất cần thiết xây dựng và thiết lập các khuôn khổ quản lý cho các điểm tài nguyên. Đây là một vấn đề đang còn mới mẻ đối với Việt Nam nói chung và VDLBTB nói riêng. Do đó, để cụ thể hóa hơn khi triển khai công tác này, dựa trên nghiên cứu mô hình của các nước và thực trạng phát triển DLST tại VDLBTB, chúng tôi đề xuất thứ tự các công tác phải thực hiện nhằm thiết lập khuôn khổ quản lý như bảng 4.

BẢNG 4: Các công tác triển khai khuôn khổ quản lý tại các điểm tài nguyên

Bước	Tên công việc	Nội dung
1	Nghiên cứu tiềm năng, xác định giá trị đặc biệt điểm tài nguyên	Xem xét giá trị đặc biệt, các khu vực nhạy cảm, sức chứa, khu vực cần được bảo vệ...
2	Xác định việc tổ chức dịch vụ cho từng vùng điểm tài nguyên	Xác định vùng tổ chức dịch vụ, loại hình, sản phẩm DLST...
3	Lựa chọn các tiêu chí nguồn lực và điều kiện xã hội	Xem xét các nguồn lực và điều kiện xã hội như vật liệu xây dựng, người kinh doanh dịch vụ v.v...
4	Cụ thể hóa các tiêu chuẩn đối với các nguồn lực và điều kiện xã hội	Các tiêu chuẩn được xây dựng cụ thể cho từng khu vực, từng loại hình DLST như vật liệu, sức chứa, điều kiện cụ thể...
5	Xác định những phương án thay thế phát sinh	Xác định thêm những phương án phát sinh như tổ chức thêm loại hình, sản phẩm DLST...
6	Xây dựng phương thức quản lý hiệu quả	Nghiên cứu các phương thức tổ chức quản lý đối với từng khu vực điểm tài nguyên
7	Xác định ngân sách cho việc thực hiện	Xác định ngân sách cụ thể cho việc thực hiện
8	Tổ chức thực hiện	Tổ chức thực hiện và điều chỉnh cho phù hợp

Ngoài ra, cần phải triển khai công tác giám sát việc quản lý tài nguyên như ban hành tiêu chuẩn "sao xanh" để đánh giá việc khai thác hoạt động DLST của các doanh nghiệp tại các điểm tài nguyên như ở một số nước... Bên cạnh đó, cần phải làm tốt và đồng bộ các công tác khác: tạo cơ chế, phối hợp và chính sách phát triển du lịch sinh thái bền vững; phát triển DLST dựa vào cộng đồng...

Đối với công tác giáo dục môi trường phải được triển khai không chỉ dừng lại ở du khách và cộng đồng cư dân địa phương, mà còn phải tiến hành cho các nhà lập chính sách, các nhà quản lý; các đơn vị và đối tượng kinh doanh du lịch tại các điểm tài nguyên bằng rất nhiều phương thức lồng ghép như tổ chức các cuộc vận động, phát hành các văn bản hướng dẫn, các ấn phẩm phát không: tờ rơi, tập gấp, brochure, tập sách nhỏ... tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, chiếu phim hay thông qua việc diễn giải môi trường của các hướng dẫn viên du lịch... Thực tiễn ở Việt

Nam nói chung và các địa phương trong VDLBTB nói riêng, cần phát huy tốt vai trò của các tổ chức đoàn thể và các hội như Cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Hội nông dân v.v... trong công tác tuyên truyền và giáo dục môi trường.

2.7. Vốn đầu tư cho du lịch sinh thái

Nhà nước và các địa phương trong vùng du lịch cần có chính sách và cân đối nguồn vốn để đầu tư cho DLST. Nguồn vốn của Nhà nước cần đầu tư vào hệ thống cơ sở hạ tầng đến và ở các điểm tài nguyên, hỗ trợ trong công tác đào tạo nguồn nhân lực và công tác quảng bá cho DLST... Cần tranh thủ các nguồn vốn tài trợ khác như nguồn vốn hỗ trợ của các nước; nguồn hỗ trợ của các cá nhân, tổ chức phi chính phủ, tổ chức xã hội... Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn này. Bên cạnh đó, từ kinh nghiệm của nhiều quốc gia, Nhà nước và các địa phương VDLBTB cần có chính sách cụ thể trong việc xã hội hóa nguồn vốn đầu tư cho DLST, đặc biệt là vốn xây dựng cơ sở vật chất du lịch như: hệ thống

ngủ dưỡng, ăn uống, thông tin, dịch vụ du lịch... Riêng về vấn đề này, các địa phương VDLBTB nên có danh mục kêu gọi ưu tiên đầu tư và có những chính sách ưu đãi thích hợp. Đặc biệt cần có một số chính sách ưu đãi vốn – tín dụng, cụ thể là vốn vay trung hạn và dài hạn cho các doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực này.

3. Kết luận

Phát triển hoạt động DLST hiệu quả và bền vững sẽ đóng vai trò tích cực đối với VDLBTB trong giai đoạn hiện nay. Nó không chỉ đóng vai trò “cộng hưởng” và bổ sung với các loại hình du lịch khác, thúc đẩy sự phát triển hoạt động du lịch nói chung; mà còn góp phần bảo vệ môi trường, khai thác lợi thế tài nguyên, đẩy nhanh sự phát triển kinh tế xã hội của vùng. Để làm được điều này, bên cạnh các giải pháp vừa nêu cần triển khai hiệu quả các mặt công tác khác như phát triển DLST gắn với cộng đồng; phát triển các sản phẩm DLST đặc thù; xây dựng cơ chế giá hợp lý v.v... Tuy nhiên, thực hiện đồng bộ các giải pháp từ tạo cơ chế chính sách, quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng cho DLST, đào tạo nguồn nhân lực, quảng bá cho DLST, quản lý tài nguyên, giáo dục môi trường và vốn đầu tư cho DLST là các mặt công tác trọng tâm, cần phải làm tốt. Trong quá trình tổ chức và phát triển hoạt động DLST, bên cạnh việc học hỏi kinh nghiệm của các nước, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu các phương pháp quản lý phù hợp với từng điều kiện cụ thể của từng khu vực, từng điểm tài nguyên. Có như vậy việc phát triển hoạt động DLST tại VDLBTB mới đảm bảo được tính bền vững và đạt được những mục tiêu đề ra./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anak Agung Gde Raka Dalem. (2002). "Ecotourism in Indonesia, Chapter Ten", *Linking green productivity to Ecotourism: Experiences in the Asia Pacific Region*, APO Tokyo.
2. Hiệp hội Du lịch Thừa Thiên Huế (2006). Báo cáo tình hình phát triển DLST vùng du lịch Bắc Trung Bộ, Huế.
3. Phạm Trung Lương (chủ nhiệm) (2008), "*Cơ sở khoa học phát triển du lịch đảo ven bờ Vùng du lịch Bắc Trung Bộ*" – Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, Hà Nội.
4. Mohd Nawayai Yasak (1998), "Development of Ecotourism in Malaysia", *Report of Department of Wildlife and National Park Malaysia*, Malaysia.
5. Nguyễn Tài Phúc (2010). Khảo sát sự hài lòng của du khách đối với hoạt động DLST tại Phong Nha – Kẻ Bàng, *Tap chí Đại học Huế*, số 60/2010, tr 211 – 218.
6. Sylvie Blangy & Megan Epler Wood (1998), "Thiết lập và thực thi nguyên tắc chỉ đạo cho các vùng hoang dã và cộng đồng lân cận" *DLST Hướng dẫn cho các nhà lập kế hoạch và quản lý*, Tập 1, Cục Môi trường, Hà Nội.
7. Simon McArthur (1998), "Mở đầu về lĩnh vực diên giải còn chưa đầy đủ" *DLST Hướng dẫn cho các nhà lập kế hoạch và quản lý*, Tập 2, Cục Môi trường, Hà Nội.
8. Bùi Thị Tâm (chủ nhiệm) (2009), "*Nghiên cứu, thử nghiệm một số tour du lịch sinh thái đảm phá dựa vào cộng đồng*" – Đề tài nghiên cứu cấp tỉnh Thừa Thiên Huế.
9. Nguyễn Quyết Thắng và Lê Hữu Ảnh (2011). Thừa Thiên Huế làm gì để phát triển du lịch sinh thái?, *Tap chí Du lịch Việt Nam*, số 9/2011, tr 24 – 26.
10. Nguyễn Quyết Thắng (2010). Một số giải pháp phát triển loại hình DLST theo khuynh hướng "niche" tại miền Trung Việt Nam, *Tap chí Đại học Công nghiệp*, Số 9 (01)/2010, tr 84 – 90.
11. Nguyễn Quyết Thắng (2011). Giải pháp phát triển DLST cho Vùng du lịch Bắc Trung Bộ *Hội thảo khoa học lần thứ IV Trường Đại học Công nghiệp TP HCM ngày 29-4-2011*, TP. HCM.
12. Tổng cục Thống kê (2009). Báo cáo điều tra chi tiêu khách du lịch năm 2009, Hà Nội.
13. The International Ecotourism Society- TIES (2006), *TIES Global Ecotourism Fact Sheet*, Published by TIES, Washington, USA.
14. World Tourism Organization – UNWTO (2011), *UNWTO Tourism Highlights - 2011 Edition*, <http://www.unwto.org/facts/menu.html> truy cập ngày 11-12-2011
15. World Travel & Tourism – WTTC (2010), *Economic Impact Research*, Published by WTTC, London E1W 3HA, UK.
16. Jeffrey L. Marion và Traccy A. Farrell (1998). "Quản lý tham quan du lịch sinh thái ở các khu bảo tồn", *DLST Hướng dẫn cho các nhà lập kế hoạch và quản lý*, Tập 2, Cục Môi trường, Hà Nội.